



Góp vốn kinh doanh bằng giá trị quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế trong doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam

Trần Cao Thành*

Trường Đại học Luật – Đại học Huế, 318 Điện Biên Phủ, Trường An, Huế, Việt Nam

Nhận ngày 22 tháng 09 năm 2017

Chỉnh sửa ngày 15 tháng 11 năm 2017; Chấp nhận đăng ngày 22 tháng 01 năm 2018

Tóm tắt: Góp vốn kinh doanh bằng giá trị quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế trong doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam đang là một vấn đề hết sức mới mẻ. Pháp luật Việt Nam chưa có các quy định chi tiết về vấn đề này đã tạo ra rào cản lớn trong việc tìm kiếm tiếng nói chung giữa nhà đầu tư và chủ sở hữu sáng chế. Để thúc đẩy sự phát triển của các hệ sinh thái khởi nghiệp đòi hỏi phải có hành lang pháp lý cụ thể để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (start-ups). Bài viết tập trung phân tích, làm rõ những vướng mắc về góp vốn bằng sáng chế trong start-ups, từ đó kiến nghị một số giải pháp khắc phục nhằm hạn chế rủi ro cho các chủ thể tham gia, góp phần thúc đẩy phát triển nền kinh tế Việt Nam.

Từ khoá: Góp vốn, sáng chế, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Khởi nghiệp sáng tạo đang là xu thế phát triển hiện nay tại Việt Nam. Gia tăng mạnh mẽ về cả số lượng lẫn quy mô vốn đăng ký [1] của các doanh nghiệp mới thành lập đã cho thấy sự sôi động và hấp dẫn của thị trường. Để biến những ý tưởng kinh doanh/ các sáng chế, giải pháp kỹ thuật thành hiện thực, các doanh nghiệp cần có nguồn vốn rất lớn, đặc biệt là các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Với cách tiếp cận này, có thể hiểu, những doanh nghiệp non trẻ có thừa ý tưởng kinh doanh/ sáng chế

nhưng thiếu vốn để thực hiện những ý tưởng đó sẽ tìm đến những nhà đầu tư dám mạo hiểm như nhà đầu tư thiên thần (Angel Investors) hoặc các quỹ đầu tư mạo hiểm (Venture capitalist). Dùng chính sáng chế mà mình đang sở hữu để góp vốn thành lập start-ups đang là cách mà các chủ thể sở hữu sáng chế thực hiện. Tuy nhiên, việc góp vốn bằng giá trị quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế cũng gặp phải những vướng mắc, nhất là ở Việt Nam – khi start-ups chỉ mới xuất hiện vài năm trở lại đây. Bài viết tập trung phân tích những vướng mắc về góp vốn kinh doanh bằng giá trị quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế trong các

* ĐT.: 84-989097999.

Email: Trancaothanh47@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4134>

doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp khắc phục.

Trước hết, để cho gọn và dễ theo dõi, tác giả xin quy ước về các thuật ngữ được dùng trong bài viết này, bao gồm:

- *Góp vốn*: là việc góp vốn thành lập doanh nghiệp.

- *Start-ups*: là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- *Patent*: chỉ dùng với nghĩa duy nhất là Bằng độc quyền sáng chế.

1. Khái quát về góp vốn kinh doanh bằng giá trị quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế trong doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam

Để có thể làm rõ những vướng mắc về góp vốn bằng giá trị quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế trong doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam đòi hỏi phải làm rõ bản chất của các thuật ngữ: Góp vốn, sáng chế, góp vốn bằng sáng chế, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Ngoài ra, cũng cần nêu lên vai trò của sáng chế đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo để thấy được đặc trưng riêng có trong góp vốn vào các doanh nghiệp này. Các nội dung sau sẽ lần lượt giải quyết các vấn đề vừa nêu ra.

1.1. Góp vốn

Góp vốn là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty. Góp vốn bao gồm góp vốn để thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đã được thành lập [2]. Với đối tượng hướng đến là các start-ups, trong phạm vi bài viết này, tác giả chỉ đề cập đến góp vốn để thành lập doanh nghiệp. Tài sản góp vốn có thể là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyên đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam [3].

1.2. Sáng chế

Điều 4.12 Luật Sở hữu trí tuệ 2005, sửa đổi bổ sung 2009 (Luật SHTT 2005) quy

định: “Sáng chế là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên”.

Từ điển Bách khoa Việt Nam định nghĩa: “*Sáng chế*: Giải pháp kỹ thuật mới so với trình độ kỹ thuật trên thế giới, có trình độ sáng tạo, có khả năng áp dụng trong các lĩnh vực kinh tế – xã hội. Sáng chế là một trong những đối tượng sở hữu công nghiệp được pháp luật bảo hộ” [4].

Sáng chế được bảo hộ dưới hình thức Bằng độc quyền sáng chế hoặc Bằng độc quyền giải pháp hữu ích khi đáp ứng các điều kiện luật định. Trên thực tế, không phải sáng chế nào cũng đủ điều kiện góp vốn, nội dung này sẽ được phân tích và làm rõ ở phần sau của bài viết. Cũng cần nhắc lại là, bài viết chỉ đề cập đến các sáng chế được cấp Bằng độc quyền sáng chế (patent).

1.3. Góp vốn bằng sáng chế

Góp vốn kinh doanh bằng giá trị quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) nói chung và quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế nói riêng không còn mới mẻ ở Việt Nam, song hành lang pháp lý điều chỉnh vấn đề này vẫn còn khá lỏng lẻo và thiếu đồng bộ. Nếu câu hỏi đặt ra là: có được góp vốn bằng patent không? Thì câu trả lời là có [5]. Tuy nhiên, điều kiện để góp vốn như thế nào? định giá tài sản vốn góp ra sao? Những vấn đề rui ro nào có thể gặp phải khi góp vốn... thì cả người sở hữu patent lẫn các nhà đầu tư đều đang rất lúng túng. Đặc biệt, đối với start-ups, trong nhiều trường hợp, patent còn đóng vai trò quyết định vận mệnh của start-ups.

1.4. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (start-ups)

Hiện nay, pháp luật về doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (start-ups) còn khá mới mẻ ở Việt Nam và chưa được hoàn thiện. Trong Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 02/2017/QH14 ngày 12.6.2017 của Quốc Hội đã đề cập đến khái niệm “*Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo*” tại Điều 3.2. Theo

đó, *Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo là doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh.*

Start-ups có những đặc trưng riêng, khác biệt so với các doanh nghiệp thông thường, do đó, quá trình góp vốn kinh doanh ở các doanh nghiệp này cũng khác so với góp vốn kinh doanh thông thường. Một trong số các đặc trưng cơ bản của start-ups đó là tính rủi ro rất cao. Tức là, cả nhà đầu tư và chủ sở hữu patent cũng không thể chắc chắn, liệu start-ups có thành công hay không. Tính rủi ro trong kinh doanh đối với start-ups là rào cản lớn giữa các nhà đầu tư và cá nhân/ tổ chức sở hữu patent. Dù vậy, rủi ro càng cao thì lợi nhuận càng lớn, vấn đề mấu chốt là làm thế nào để những người sở hữu patent có thể thuyết phục các nhà đầu tư góp vốn để thành lập doanh nghiệp nhằm thương mại hoá sáng chế của mình.

1.4. Vai trò của patent đối với start-ups

Kiến thức và ý tưởng luôn là động lực quan trọng trong phát triển kinh tế. Không thể phủ nhận vai trò to lớn của tài sản trí tuệ trong nền kinh tế hiện nay của tất cả các quốc gia nói chung và các doanh nghiệp nói riêng, đặc biệt là các start-ups. Theo một nghiên cứu cho thấy, sở hữu trí tuệ của Hoa Kỳ ngày nay có giá trị từ 5 nghìn tỷ USD [6] đến 5,5 nghìn tỷ USD, tương đương khoảng 45 phần trăm GDP [7] của Hoa Kỳ và lớn hơn GDP của bất kỳ quốc gia nào trên thế giới [8].

Trong các tài sản trí tuệ, patent chiếm một phần quan trọng. Đối với các start-ups, patent có vai trò quyết định đến sự thành công của doanh nghiệp. Cụ thể:

Thứ nhất, patent đóng vai trò quyết định đến sự sống còn của start-ups.

Đối với các doanh nghiệp thông thường, việc góp vốn bằng patent chỉ là một phần trong hoạt động kinh doanh. Hay nói cách khác, patent chỉ là một phần trong toàn bộ tài sản của doanh nghiệp, và việc có dùng patent đó hay không còn phụ thuộc vào “người chủ” của

doanh nghiệp. Trong nhiều trường hợp, một doanh nghiệp mua patent về không phải để khai thác giá trị của patent mà mục đích chính là không để sản phẩm phát triển từ patent làm ảnh hưởng đến sản phẩm hiện tại mà doanh nghiệp đang kinh doanh. Ngược lại, đối với các start-ups, thông thường doanh nghiệp được hình thành chỉ dựa trên một ý tưởng kinh doanh hoặc một sáng chế. Do đó, start-ups bắt buộc phải đưa ra thị trường được sản phẩm/ dịch vụ dựa trên patent góp vốn mà không có sự lựa chọn khác. Nếu patent tạo ra sản phẩm/ dịch vụ đáp ứng được nhu cầu của thị trường thì start-ups thành công và ngược lại.

Thứ hai, patent định hình lĩnh vực và chiến lược kinh doanh của start-ups. Bởi lẽ, các nhà đầu tư khi lựa chọn patent để góp vốn phải dựa vào tình hình và nhu cầu của thị trường, tiềm năng trong tương lai của patent, khả năng thương mại patent, mức độ rủi ro... Start-ups kinh doanh hàng hoá/ dịch vụ nào, lĩnh vực kinh doanh nào phụ thuộc hoàn toàn vào patent mà doanh nghiệp đó lựa chọn. Chính vì thế, patent sẽ định hình start-ups trên thị trường kinh doanh và định hướng chiến lược kinh doanh trong tương lai của doanh nghiệp.

Thứ ba, patent tăng sức cạnh tranh của start-ups trên thị trường. Giả sử, hai start-ups cùng cho ra thị trường một sản phẩm/ dịch vụ tương tự nhau về công dụng, chất lượng thì rõ ràng, patent nào cho hiệu suất cao hơn, giá thành thấp hơn thì sẽ có lợi thế trong việc cạnh tranh thị trường trong cùng phân khúc sản phẩm/ dịch vụ. Để thành công, start-ups cần tạo được sức hút đối với thị trường, chất lượng tương tự nhưng giá thành rẻ hơn sẽ là một điểm cộng cho start-ups khi ra mắt thị trường.

Như vậy, việc một cá nhân/tổ chức sở hữu patent muốn góp vốn với các nhà đầu tư để thành lập các start-ups nhằm sản xuất, kinh doanh trên cơ sở các patent được pháp luật Việt Nam thừa nhận. Mặc dù vậy, với đặc thù là một tài sản vô hình, patent có những đặc thù riêng, khác biệt so với góp vốn bằng tài sản thông thường. Thực chất, quá trình góp vốn bằng patent chính là việc thương mại hóa patent, cụ thể hơn đó là quá trình chuyển hóa patent dưới

dạng hình thái tri thức sang dạng hình thái vật chất (sản phẩm hàng hóa/ dịch vụ) và gắn với thị trường.

2. Quy định của pháp luật về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế trong doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam

2.1. Pháp luật quốc tế

Pháp luật quốc tế nhìn chung chỉ mới đề cập đến việc khai thác thương mại đối với patent, tức cho phép thương mại hoá patent với hình thức chuyển nhượng quyền sở hữu patent (bán patent) hoặc chuyển quyền sử dụng patent (li-xăng). Tác giả chưa tìm thấy quy định cụ thể về góp vốn kinh doanh bằng patent.

Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (Agreement on Trade – Related Aspects of IPR – TRIPS) quy định “*Các chủ sở hữu patent cũng phải có quyền chuyển nhượng, để thừa kế quyền sở hữu patent đó và ký kết các hợp đồng li-xăng*”[9]. Như vậy, Hiệp định TRIPS thừa nhận cho các chủ sở hữu patent được quyền khai thác thương mại đối với patent, trong đó có quyền chuyển nhượng (góp vốn). Ngoài ra, tác giả tuyệt nhiên không tìm thấy một quy định nào liên quan đến việc góp vốn bằng patent trong Hiệp định TRIPS.

Công ước Paris về Bảo hộ Sở hữu công nghiệp (Paris Convention for the Protection of Industrial Property – Paris Convention) chỉ quy định về việc cho phép chủ sở hữu patent khai thác sáng chế của mình và các trường hợp cấp quyền sử dụng (li-xăng) không tự nguyện để ngăn ngừa việc lạm dụng độc quyền patent trong giới hạn nhất định khi sáng chế được cấp patent không được chủ sở hữu khai thác hoặc không được khai thác đủ mức đáp ứng nhu cầu xã hội và nếu chủ patent không có những lý do hợp pháp để biện minh cho việc không khai thác sáng chế của mình [10]. Tác giả không tìm thấy quy định nào trong Công ước về việc khai thác thương mại đối với patent.

Có thể kết luận rằng, pháp luật quốc tế chưa quy định về việc góp vốn kinh doanh bằng patent trong một văn bản chính thức. Điều này phần nào cũng gây khó khăn trong việc dẫn chiếu các quy định của quốc tế vào quá trình xây dựng, hoàn thiện và thực thi pháp luật về góp vốn bằng patent của Việt Nam.

2.2. Pháp luật Việt Nam

Hiện nay, khung pháp lý về góp vốn kinh doanh bằng giá trị quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế chỉ dừng ở mức thừa nhận, chưa có các quy định chi tiết thực thi vấn đề này. Có thể điem qua một số quy định của pháp luật Việt Nam trong vấn đề góp vốn kinh doanh bằng giá trị quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế như sau:

2.3. Điều kiện để góp vốn

Một là, patent phải được bảo hộ theo pháp luật Việt Nam. Nghĩa rằng, sáng chế đó phải được đăng ký bảo hộ và được cấp Bằng độc quyền sáng chế. Trên thực tế, nếu một sáng chế không được đăng ký bảo hộ vẫn có thể được các nhà đầu tư chào đón, mặc dù vậy, đối với sáng chế không được cấp patent thì không có căn cứ để tiến hành các thủ tục như Hợp đồng góp vốn, định giá tài sản vốn góp, hiệu lực của patent và các nghĩa vụ pháp lý liên quan khác.

Hai là, patent *vẫn đang* còn thời hiệu bảo hộ. Theo quy định, patent có hiệu lực từ ngày cấp và kéo dài đến hết hai mươi năm kể từ ngày nộp đơn [11], do đó, để có thể góp vốn kinh doanh thì patent phải còn thời hiệu bảo hộ.

Ba là, patent không bị tranh chấp. Hay nói cách khác, patent phải thuộc sở hữu của chủ thể tham gia góp vốn. Trong trường hợp là đồng sở hữu thì phải có sự đồng ý của các đồng sở hữu. Một patent đang trong tình trạng tranh chấp sẽ là rủi ro rất lớn đối với các nhà đầu tư, và dĩ nhiên patent này sẽ không được lựa chọn trong danh mục đầu tư. Cần nhấn mạnh rằng, chỉ cá nhân/ tổ chức là chủ sở hữu hợp pháp patent mới có quyền sử dụng tài sản đó để góp vốn [12].

Hình thức góp vốn bằng giá trị quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế

Theo quy định hiện hành, góp vốn bằng giá trị quyền sở hữu sáng chế chỉ được hiểu là việc chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế. Theo đó, chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế là việc chủ sở hữu quyền sở hữu công nghiệp chuyển giao quyền sở hữu của mình cho tổ chức, cá nhân khác [13] và bắt buộc phải thực hiện dưới hình thức hợp đồng bằng văn bản [14]. Đối với hình thức này, có thể hiểu là chủ sở hữu patent bán “đứt” patent của mình cho start-ups để trở thành cổ đông hoặc thành viên của doanh nghiệp.

Định giá tài sản vốn góp là patent

Về lý thuyết kinh tế học, việc định giá đối với patent được xác định bằng 03 phương pháp, các phương pháp định giá này được minh họa bằng ví dụ đi kèm: (i) Phương pháp dựa vào chi phí (Tôi đã dành hai triệu USD cho sáng chế của tôi); (ii) Phương pháp dựa vào thu nhập (Chúng tôi sẽ giành chiến thắng khoảng 50 triệu USD với bằng sáng chế này trong vòng 15 năm tới) và (iii) Phương pháp dựa vào thị trường (Tôi có thể bán bằng sáng chế này cho năm triệu người nếu tôi muốn) [15]. Tuy nhiên, nhìn dưới góc độ luật học, đòi hỏi phải có những quy định chi tiết hướng dẫn việc định giá tài sản là patent thì mới có thể áp dụng trên thực tế.

Vấn đề định giá tài sản vô hình là hết sức khó khăn, nhất là đối với patent. Bởi lẽ patent là loại tài sản vô hình được định giá dựa trên giá trị tiềm năng trong tương lai chứ không thể định giá ngay tại thời điểm góp vốn. Mặt khác, giá trị của patent nằm ở tính mới, trình độ sáng tạo và khả năng áp dụng công nghiệp nhưng trên thực tế có rất nhiều rủi ro xảy ra đối với nhà đầu tư khi tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp khiến cho việc định giá patent càng khó khăn hơn nữa. Việc định giá quyền sở hữu trí tuệ nói chung và patent nói riêng chưa được pháp luật quy định cụ thể mà chỉ dừng lại ở việc xác định nguyên tắc định giá. Theo đó, giá trị của patent phải được quy đổi ra thành Đồng Việt Nam [16] và Tài sản góp vốn khi thành lập doanh nghiệp phải được các thành viên, cổ

đồng sáng lập định giá theo nguyên tắc nhất trí hoặc do một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Trường hợp tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được đa số các thành viên, cổ đông sáng lập chấp thuận.

Trường hợp tài sản góp vốn được định giá cao hơn so với giá trị thực tế tại thời điểm góp vốn thì các thành viên, cổ đông sáng lập cùng liên đới góp thêm bằng số chênh lệch giữa giá trị được định giá và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá; đồng thời liên đới chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do cố ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế [17].

Như vậy, việc định giá tài sản vốn góp bằng patent được định giá bằng sự thỏa thuận, thống nhất của đa số thành viên, cổ đông sáng lập. Trong trường hợp nhà đầu tư và chủ sở hữu patent không thống nhất được giá trị patent thì mức giá do tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp đưa ra cũng phải được nhà đầu tư và chủ sở hữu patent chấp thuận. Tuy nhiên, một số vướng mắc trong vấn đề này vẫn còn tồn tại, trong phần tiếp theo tác giả sẽ làm sáng tỏ vấn đề này.

3. Một số vướng mắc trong góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế trong doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam

3.1. Về điều kiện góp vốn bằng Patent và rủi ro của các bên tham gia góp vốn

Như đã dẫn chiếu, pháp luật Việt Nam quy định điều kiện để góp vốn bằng patent là patent đó phải thuộc sở hữu của người tham gia góp vốn. Đặt trong bối cảnh các start-ups hiện nay, việc lựa chọn patent và có quyết định đầu tư tiên của để thành lập start-ups từ patent đó hay không phụ thuộc hoàn toàn vào nhà đầu tư. Thế nhưng, không phải nhà đầu tư nào cũng hiểu rõ về patent.

Tại Việt Nam, việc cấp patent cho sáng chế được thực hiện bởi Cục Sở hữu trí tuệ thuộc Bộ

Khoa học và Công nghệ trong thời gian từ 36 – 42 tháng từ ngày nhận đơn và patent có hiệu lực bảo hộ 20 năm từ ngày nộp đơn.

Việc số lượng patent hạn chế đã cản trở sự phát triển của các start-ups muốn tham gia trong lĩnh vực này. Câu hỏi đặt ra là, các nhà đầu tư cần đợi 36-42 tháng để các chủ sở hữu sáng chế có patent rồi mới đầu tư hay đầu tư ngay khi các chủ sở hữu sáng chế chỉ mới có ý tưởng. Nếu đợi, 36-42 tháng là một khoảng thời gian quá dài cho một cơ hội đầu tư, nhưng nếu không đợi thì rủi ro quá lớn và không có một cơ sở pháp lý nào để có thể thực hiện các khâu tiếp theo của quá trình góp vốn.

Trong kinh doanh, các chủ thể đều muốn hạn chế tối đa rủi ro và nhận về tối đa lợi nhuận. Đánh giá về điều kiện góp vốn kinh doanh bằng patent khi thành lập các start-ups tác giả nhận thấy một số rủi ro cho cả nhà đầu tư và chủ sở hữu patent như sau:

Thứ nhất, đối với nhà đầu tư:

Cần nhấn mạnh rằng, *Sáng chế là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình* chứ không phải là một sản phẩm/ dịch vụ đã tiến hành thương mại và kiếm ra tiền trên thị trường. Rõ ràng, nếu đầu tư vào một patent đã phổ biến (có nhiều người đã sản xuất/ kinh doanh) thì an toàn nhưng lợi nhuận sẽ thấp, việc kinh doanh sẽ không thành công và không phù hợp với đặc thù của start-ups mà bài viết đang đề cập. Trong thực tiễn, để biến một giải pháp kỹ thuật trong “phòng thí nghiệm” thành một sản phẩm/ dịch vụ thương mại trên thị trường là cả một quá trình. Trong quá trình ấy, nhiều rủi ro mà các nhà đầu tư có thể gặp phải. Ví dụ: giả sử, sau khi góp vốn bằng patent, start-ups tiến hành sản xuất sản phẩm/ dịch vụ để tung ra thị trường, trong khoảng thời gian đó, một doanh nghiệp khác cũng nghiên cứu, sản xuất và tung ra thị trường một sản phẩm tương tự. Loại bỏ tình huống doanh nghiệp cạnh tranh biết được patent đã góp vốn, thế nhưng không có gì đảm bảo sẽ không có một doanh nghiệp nào khác tiến hành nghiên cứu và cho ra sản phẩm/ dịch vụ tương tự. Trong hình thức góp vốn bằng patent vào các start-ups, nhà đầu tư chỉ trông

chờ vào tính mới của sản phẩm dựa trên patent đã góp vốn. Nếu một sản phẩm/ dịch vụ tương tự ra đời trước hoặc cùng thời điểm với sản phẩm mà start-ups đưa ra thì coi như đã thất bại một nửa. Đây chính là rủi ro lớn nhất mà nhà đầu tư phải đối mặt. Ngoài ra, nhà đầu tư còn có khả năng thất bại trong việc biến patent thành sản phẩm có thể thương mại trên thị trường. Như đã đề cập, việc đưa một giải pháp trong phòng thí nghiệm thành một sản phẩm/ dịch vụ thương mại trên thị trường có những rủi ro nhất định. Và nếu không thể biến patent thành sản phẩm/ dịch vụ thì patent đó có giá trị bằng không.

Thứ hai, đối với chủ sở hữu patent:

Về nguyên tắc, patent chỉ còn giá trị sử dụng khi đảm bảo tính mới. Nếu patent đã công bố và không còn tính mới thì patent đã hết giá trị đối với các nhà đầu tư. Rủi ro đối với chủ sở hữu patent xảy ra trong trường hợp nhà đầu tư rút vốn. Khi patent đã bị mất tính mới thì các nhà đầu tư khác sẽ không còn muốn đầu tư vào patent đó nữa. Đồng thời, khi góp vốn thì chấm dứt quyền sở hữu của chủ sở hữu đối với patent và chuyển giao quyền sở hữu cho start-ups. Trong trường hợp nhà đầu tư vào start-ups có nhiều doanh nghiệp hoặc các chi nhánh ở nước ngoài...thì khả năng chủ sở hữu patent sẽ bị “đá” ra khỏi cuộc chơi tại các doanh nghiệp khác hoặc chi nhánh nước ngoài của chủ đầu tư. Hay nói cách khác, nhà đầu tư đã lạm dụng patent để thu lợi nhuận riêng mà không chia cho chủ sở hữu. Trên thực tế, khả năng này rất có thể xảy ra mà pháp luật chưa có quy định để bảo vệ quyền lợi chính đáng cho chủ sở hữu patent trong trường hợp góp vốn như đã phân tích. Về mặt kinh tế, chủ sở hữu patent phải được chia lợi nhuận trên cơ sở patent được thương mại hoá ở bất kỳ đâu, bất kỳ khi nào. Tuy nhiên, về mặt pháp lý, chủ sở hữu patent chỉ được chia lợi nhuận trên cơ sở định giá patent góp vốn ở start-ups hiện tại. Đây chính là những rủi ro đối với chủ sở hữu patent, kìm hãm động lực đầu tư nghiên cứu các sáng chế mới.

Về định giá tài sản vốn góp là patent

Patent là một loại tài sản vô hình, khó định giá hơn so với các loại tài sản hữu hình thông

thường khác. Định giá patent đòi hỏi phải có kiến thức chuyên sâu về cả thương mại và sở hữu trí tuệ. Hiện nay, pháp luật Việt Nam chưa quy định chặt chẽ về vấn đề định giá tài sản góp vốn là quyền tài sản nói chung và quyền tài sản SHTT nói riêng. Theo quy định của pháp luật Việt Nam, việc định giá tài sản vốn góp là giá trị patent được quyết định bởi thoả thuận của các thành viên hoặc chấp thuận mức giá do tổ chức định giá chuyên nghiệp thẩm định [18]. Tuy nhiên, pháp luật chưa quy định chi tiết tổ chức định giá chuyên nghiệp là ai? Trình tự lựa chọn ra sao? Và điều kiện lựa chọn như thế nào?

Trong khi đó, việc định giá patent khi góp vốn vào start-ups là định giá ở dạng tiềm năng kinh tế mà patent mang lại trong tương lai chứ không phải giá trị tại thời điểm định giá. Do đó, việc định giá tài sản trí tuệ phải được thực hiện bởi một tổ chức định giá chuyên nghiệp trong lĩnh vực SHTT. Mặc dù vậy, hiện nay, pháp luật Việt Nam vẫn cho phép các tổ chức định giá chuyên nghiệp bất kỳ tiến hành định giá tài sản trí tuệ, điều này dễ dẫn đến định giá sai giá trị thực của các patent khi góp vốn vào start-ups. Việc định giá sai tài sản vốn góp sẽ làm ảnh hưởng đến lợi ích của các thành viên khác của start-ups, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đối tác và của khách hàng của start-ups trong tương lai.

Bên cạnh đó, quy định về việc định giá patent còn vướng mắc ở thời điểm định giá. Theo đó, Điều 37.2 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định: “*Trường hợp tài sản góp vốn được định giá cao hơn so với giá trị thực tế tại thời điểm góp vốn thì các thành viên, cổ đông sáng lập cùng liên đới góp thêm bằng số chênh lệch giữa giá trị được định giá và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá, đồng thời liên đới chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do cố ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế.*” Tuy nhiên, vấn đề là tại thời điểm phát hiện việc định giá chênh lệch cách xa thời điểm kết thúc định giá sẽ không có cơ sở để xác định khoảng chênh lệch cho việc ấn định trách nhiệm cho các thành viên định giá. Việc định giá patent rất khó khăn, do đó, giá trị vốn góp của patent chỉ mang tính tương

đối, không thể có giá trị tuyệt đối tại thời điểm góp vốn. Vấn đề ở đây là cần có quy định cụ thể trách nhiệm khi xảy ra chênh lệch giá. Nếu chỉ quy định chung chung là liên đới chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do cố ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế thì rất khó thao tác. Cần quy định rõ, trách nhiệm ở đây là trách nhiệm gì, căn cứ để xác định đâu là hành vi cố ý định giá sai và đâu là khoản chênh lệch giá do đặc thù của tài sản góp vốn là patent (cần phải có định lượng trong trường hợp này). Ngoài ra, quy định của luật cũng chưa đề cập đến trách nhiệm của tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp khi xảy ra định giá sai. Thiết nghĩ, tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp cũng phải chịu trách nhiệm đối với việc định giá sai, có như thế mới đảm bảo hoạt động định giá đáp ứng được yêu cầu của thị trường và xã hội.

3.2. Về vấn đề xác định trách nhiệm tài sản và quyền sở hữu đối với **patent** khi start-ups phá sản

Như đã phân tích, start-ups là loại hình kinh doanh mạo hiểm. Không có gì để đảm bảo start-ups không bị phá sản. Và start-ups hình thành từ việc góp vốn bằng patent cũng không ngoại lệ. Vấn đề đặt ra là, nếu start-ups phá sản, thì ai sẽ phải gánh chịu nghĩa vụ trả nợ khoảng chênh lệch về giá trị của patent giữa thời điểm góp vốn và thời điểm phá sản – một khoảng chênh lệch lớn. Điều này rất dễ hiểu, tại thời điểm góp vốn, patent vẫn còn là một ẩn số về khả năng sinh lợi khi tiến hành thương mại hoá, giá trị của patent sẽ cao hơn rất nhiều so với thời điểm start-ups bị phá sản. Lý do, tại thời điểm phá sản, patent đã không còn tính mới, các sản phẩm/ dịch vụ hình thành từ patent đã thất bại trên thị trường. Tuy chưa có cuộc khảo sát nào về độ chênh lệch giá trong trường hợp này, nhưng theo tác giả, độ chênh lệch giá trị ở hai thời điểm này là rất lớn. Vậy ai sẽ là người phải chịu trách nhiệm tài sản của start-ups khi mà vốn điều lệ của doanh nghiệp bị giảm mạnh do tụt giá của patent, các thành viên của start-ups (bao gồm nhà đầu tư và chủ sở hữu patent ở thời điểm góp vốn) hay tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp. Vấn đề này chưa có quy định điều chỉnh. Dù phá sản là sự kiện không start-

ups nào mong muốn, nhưng chúng ta không thể loại trừ khả năng này xảy ra trên thực tế.

Mặc khác, một vấn đề cũng khá thú vị đặt ra trong trường hợp start-ups phá sản đó là, sau khi phá sản, patent sẽ thuộc sở hữu của ai (người đứng tên trong patent hay nhà đầu tư, giả thiết rằng patent đó không có tổ chức/ cá nhân nào mua lại), và liệu rằng người đứng tên trong patent có được tiếp tục sử dụng patent đó để đi góp vốn ở một start-ups khác hay không. Tác giả cho rằng, pháp luật cần quy định về vấn đề này.

4. Một số kiến nghị khắc phục vướng mắc về góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế trong doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam

4.1. Kiến nghị khắc phục vướng mắc về điều kiện góp vốn bằng patent

Không thể thay đổi một nguyên tắc bất di bất dịch là, muốn góp vốn thì chủ sở hữu sáng chế phải có Bằng độc quyền sáng chế (patent). Thế nhưng, trong kinh doanh, thời điểm có vai trò quyết định đến sự thành công của một sản phẩm/ dịch vụ. Một nhà đầu tư thông minh và có tầm nhìn chiến lược có thể thành công khi sáng chế vẫn đang là giải pháp kỹ thuật trên giấy. Để có trong tay patent, chủ sở hữu sáng chế phải mất từ 36 đến 42 tháng kể từ ngày nộp đơn, nếu không gặp trở ngại gì (ví dụ: bổ sung tài liệu, giải trình, trả lời/ khiếu nại các thông báo của Cục SHTT...). Điều này sẽ làm mất đi cơ hội kinh doanh, mất đi khả năng hợp tác giữa nhà đầu tư và chủ sở hữu sáng chế. Do đó, kiến nghị cần rút ngắn thời gian thẩm định và cấp patent cho sáng chế ở Việt Nam.

Tại Hoa Kỳ, sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ và phí đăng ký, Cơ quan Sáng chế và Nhãn hiệu Hoa Kỳ (United States Patent and Trademark Office – USPTO) sẽ tiến hành thẩm định đơn. Trong vòng 02 - 03 tháng sau khi nộp đơn, USPTO sẽ gửi thông báo về số đơn và ngày nộp đơn cho chủ đơn, và quá trình thẩm định sẽ kéo dài khoảng ít nhất là 01 năm còn

thông thường là hơn 02 năm.[19] Như vậy, Hoa Kỳ sẽ cấp patent trong thời gian từ 01 đến 02 năm, trong khi số số lượng đơn đăng ký ở Hoa Kỳ lớn hơn rất nhiều so với Việt Nam. Mặc dù điều kiện kinh tế, khoa học kỹ thuật của chúng ta không thể bằng Hoa Kỳ, song với số lượng đơn đăng ký ít hơn rất nhiều, Việt Nam hoàn toàn có thể thẩm định và cấp patent trong thời gian từ 01 – 02 năm. Việc giảm thời gian thẩm định và cấp patent sẽ gia tăng cơ hội góp vốn kinh doanh cho các chủ sở hữu sáng chế.

Đồng thời, để thúc đẩy các hệ sinh thái khởi nghiệp phát triển cần có những chính sách thu hút và khuyến khích các chủ thể nghiên cứu tạo ra được nhiều sáng chế. Bài toán khó nhất đối với các chủ sở hữu patent là làm sao để thuyết phục các nhà đầu tư cho mình góp vốn. Để thu hút đầu tư, patent phải thực sự “tốt”, cách hiệu quả nhất để tạo ra patent tốt là xây dựng môi trường khuyến khích sáng chế, ví dụ như tạo ra các “vườn ươm công nghệ”. Việt Nam cần phát triển các vườn ươm công nghệ, tạo ra môi trường để các doanh nghiệp có thể đầu tư cho sáng chế công nghệ mới. Điều này hoàn toàn phù hợp với tinh thần và quy định trong Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Việt Nam.

4.2. Kiến nghị khắc phục vướng mắc về định giá patent

Việc định giá patent cần một tổ chức định giá chuyên nghiệp trong lĩnh vực SHTT. Tại Cộng hòa Pháp, việc định giá tài sản góp vốn là hiện vật nói chung và quyền SHTT nói riêng, do Hội đồng về góp vốn định giá. Hội đồng này được chỉ định bởi Chánh Tòa thương mại theo yêu cầu thống nhất giữa những thành viên tương lai của công ty hoặc sáng lập viên hoặc một trong những sáng lập viên [20]. Hội đồng về vốn được lựa chọn trong danh sách Hội đồng kiểm toán hoặc giữa các chuyên gia đã đăng ký trong danh sách của tòa án [21]. Các chuyên gia trong danh sách của tòa án thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, vì vậy, khi tài sản góp vốn thuộc lĩnh vực nào thì chuyên gia ở lĩnh vực đó sẽ được chọn. Các chuyên gia có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực của họ nên sẽ không dẫn đến

tình trạng định giá sai. Tòa án có thẩm quyền chỉ định là tòa án nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính [22].

Thiết nghĩ, đã đến lúc Việt Nam cần xây dựng một Hội đồng định giá thực sự “chuyên nghiệp”, chuyên nghiệp trong lĩnh vực SHTT và chuyên nghiệp trong các lĩnh vực định giá khác. Việt Nam rất nên tham khảo và học tập mô hình định giá tài sản vốn góp tại Pháp như đã trình bày ở trên. Căn cứ vào Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 (Ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, và có hiệu lực thi hành từ 01/01/2002), có thể khẳng định patent là tài sản cố định vô hình (Là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị và do doanh nghiệp nắm giữ, sử dụng trong sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình [23]) của start-ups. Khi đó, việc định giá patent đối với các start-ups không chỉ là hoạt động ban đầu khi thành lập start-ups mà là quá trình xuyên suốt bao gồm các khái niệm liên quan trong lĩnh vực tài chính, kế toán như: khấu hao giá trị tài sản cố định vô hình, giá trị phải khấu hao, giá trị còn lại, giá trị thanh lý, hạch toán kinh tế...

Vấn đề định giá sai giá trị patent cũng cần có những quy định cụ thể, không nên quy định chung chung những cụm từ không thể thao tác được như hiện nay (*liên đới chịu trách nhiệm*). Tham khảo quy định của Cộng hòa Pháp, Việt Nam cần quy định cả trách nhiệm dân sự và hình sự đối với những chủ thể tiến hành định giá sai bao gồm cả thành viên start-ups và Hội đồng thẩm định giá trong vòng 05 năm về giá trị vốn góp bằng tài sản trí tuệ khi thành lập start-ups [24]. Đối với trách nhiệm hình sự, cần quy định cả hình phạt tù và hình phạt tiền đối với hành vi cố ý định giá sai giá trị thực của patent. Tuy nhiên, cũng cần phải định lượng mức chênh lệch giá làm cơ sở để xác định hành vi cố ý, theo tác giả đề xuất là mức chênh lệch từ 10-15% là hợp lý [25].

4.3. Kiến nghị khắc phục vướng mắc về trách nhiệm tài sản và quyền sở hữu đối với patent khi start-ups phá sản.

Khi góp vốn bằng patent, chủ sở hữu patent đã chuyển giao quyền sở hữu đối với sáng chế qua cho start-ups và nắm giữ một phần vốn điều lệ của doanh nghiệp tương ứng với tỉ lệ vốn góp. Do đó, khi start-ups bị phá sản thì chủ thể góp vốn bằng patent chỉ chịu trách nhiệm tài sản trong phạm vi vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.

Đối với việc xác định quyền sở hữu patent khi start-ups phá sản nên quy định theo hướng bắt buộc chủ thể góp vốn bằng patent mua lại patent (trong trường hợp không có cá nhân/ tổ chức nào mua lại patent đó) với giá trị được xác định giá tại thời điểm mua lại khi start-ups phá sản.

Trên đây là các kiến nghị khắc phục những vướng mắc về góp vốn bằng patent trong start-ups. Luật SHTT 2005 cần phải sửa đổi, bổ sung các quy định cụ thể về góp vốn bằng giá trị quyền SHTT nói chung và sáng chế nói riêng.

5. Kết luận

Để nâng cao khả năng hợp tác, đầu tư giữa nhà đầu tư và chủ sở hữu patent, việc hoàn thiện pháp luật về góp vốn bằng patent trong start-ups là hết sức cần thiết. Ngoài ra, chính sách nhà nước phát triển công nghệ cũng góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển của hoạt động góp vốn bằng patent. Tuy mới hình thành nhưng các start-ups tại Việt Nam đã có bước đầu khẳng định vị thế trên trường quốc gia và khu vực. Một hành lang pháp lý thông thoáng chắc chắn sẽ giúp các chủ thể an tâm đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trên trường quốc tế.

Tài liệu tham khảo

- [1] Diệu Hoa, Tính chung cả năm 2016, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới đạt mức kỷ lục với 110,1 nghìn doanh nghiệp, tăng 16,2% so với năm 2015; tổng vốn đăng ký là 891,1 nghìn tỷ đồng, tăng 48,1%, Thời báo Tài chính Việt Nam (Bộ Tài chính), 2016,

- <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/kinh-doanh/2016-12-28/nam-2016-hon-110-nghin-doanh-nghiep-thanh-lap-moi-39323.aspx> [Truy cập ngày 15/7/2017]
- [2] Quốc hội, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 (Điều 4.13).
- [3] Quốc hội, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 (Điều 35.1).
- [4] Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam, Từ điển Bách khoa Việt Nam, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2003.
- [5] Quốc hội, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 (Điều 35.2).
- [6] United States dollar – USD: Đơn vị tiền tệ chính thức của Hoa Kỳ.
- [7] Gross Domestic Product – GDP: Tổng sản phẩm quốc nội.
- [8] Robert J. Shapiro, Kevin A. Hassett, The Economic Value of Intellectual Property, USA for Innovation, Hoa Kỳ, 2009.
- [9] Điều 28 Hiệp định TRIPS.
- [10] Xem thêm: Điều 5.2 Công ước Paris.
- [11] Quốc hội, Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 (Điều 93.2).
- [12] Quốc hội, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 (Điều 35.2).
- [13] Quốc hội, Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 (Điều 138.1).
- [14] Quốc hội, Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 (Điều 138.2).
- [15] Dirk Loop, Guido von Scheffer, Stephan Lipfert. “L'évaluation des brevets pratiquée par IP Bewertungs AG (IPB)”, http://www.wipo.int/sme/fr/documents/patent_valuation.htm#1[Truy cập ngày 25.7.2017]
- [16] Quốc hội, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 (Điều 37.1).
- [17] Quốc hội, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 (Điều 37.2).
- [18] Quốc hội, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 (Điều 37).
- [19] Xem tại USPTO (2016) Patent Review Processing System.
- [20] Xem: Điều L, 223-9 và L. 225-8 Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp.
- [21] Xem: Khoản 1, Điều R. 223-6 Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp.
- [22] Tòa phúc thẩm Paris ngày 26/5/1993; Tòa phúc thẩm Versailles 01/02/1996.
- [23] Điều 6, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 04 – Tài sản cố định vô hình.
- [24] Kiến nghị trên cơ sở tham khảo Điều L. 233-9 Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp.
- [25] Khoản 1 Điều L. 241-3 Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp quy định: “Về trách nhiệm hình sự, người có hành vi định giá vượt quá giá trị thực tế của tài sản góp vốn thì bị phạt tù năm năm và đồng phạt số tiền 350.000 euro. Hình phạt này áp dụng đối với tất cả những người tham gia định giá”.

Capital Contribution in Industrial Property Rights to Invention Created in Startups in Vietnam

Tran Cao Thanh

School of Law, Hue University, 318 Dien Bien Phu, Truong An, Hue, Vietnam

Abstract: Capital contribution in industrial property rights to inventions created in innovative startups in Vietnam is a controversial issue. The Vietnamese laws do not have specific regulations on this issue, which is a huge barrier in seeking a common voice between the investor and the patent owner. Therefore, a specific legal corridor is required in order to promote the development of the entrepreneurial ecosystem and to help ensure the legitimate rights and interests of the stakeholders contributing to startups. This paper focuses on analyzing and clarifying the bottlenecks on capital contribution in startups, and then, recommends a number of solutions to mitigate risks for stakeholders to contribute to the developing of the Vietnamese economy.

Keywords: Capital contribution, invention, innovative startups